

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2023, cụ thể như sau:

1. Đối với tưới, tiêu, cấp nước trên diện tích trồng lúa do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh, các Hợp tác xã nông nghiệp và các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi tự phục vụ:

Đơn vị tính: đồng/ha/vụ

STT	Biện pháp	Mức giá dịch vụ	
		Đồng bằng	Miền núi
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.646.000	1.811.000
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152.000	1.267.000
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399.000	1.539.000

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực.

đ) Trường hợp tạo nguồn tưới, tiêu bằng biện pháp kết hợp động lực và trọng lực thì mức giá bằng 40% mức chủ động.

e) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

f) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Đối với tưới, tiêu, cấp nước trên diện tích trồng lúa do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh, các Hợp tác xã nông nghiệp và các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cùng phục vụ (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh đã tạo nguồn hoặc chủ động 1 phần):

Đơn vị tính: đồng/ha/vụ

S T T	Biện pháp tưới, tiêu	Mức giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh				Mức giá của Hợp tác xã nông nghiệp và các đơn vị quản lý, Khai thác công trình thủy lợi khác			
		Vùng đồng bằng		Vùng miền núi		Vùng đồng bằng		Vùng miền núi	
		Tạo nguồn	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động 1 phần	Chủ động sau tạo nguồn	Sau chủ động 1 phần	Chủ động sau tạo nguồn	Sau chủ động 1 phần
1	Tưới, tiêu bằng động lực	823.000	987.600	905.500	1.086.600	823.000	658.400	905.500	724.400
2	Tưới, tiêu bằng trọng lực	460.800	691.200	506.800	760.200	691.200	460.800	760.200	506.800
3	Tưới, tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	559.600	839.400	615.600	923.400	839.400	559.600	923.400	615.600
4	Tưới, tiêu bằng lợi dụng thủy triều	322.560	483.840	354.760	532.140	483.840	322.560	532.140	354.760

Trường hợp tạo nguồn tưới, tiêu bằng biện pháp kết hợp động lực và trọng lực thì mức giá bằng 40% mức chủ động.

3. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức giá bằng 40% mức giá đối với diện tích trồng lúa (theo từng biện pháp công trình).

4. Đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản, mức giá là 250 đồng/m²/mặt thoáng/năm. Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều, mức giá là 125 đồng/m²/mặt thoáng/năm.

5. Đối với tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: Mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

6. Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều này áp dụng đối với từng biện pháp tưới tiêu, từng vùng và được tính ở vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

7. Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thông qua tại Nghị quyết này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Đài PT và TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Mai Văn Tuất